

Họ, tên thí sinh:

Số báo danh:

Mã đề thi 303

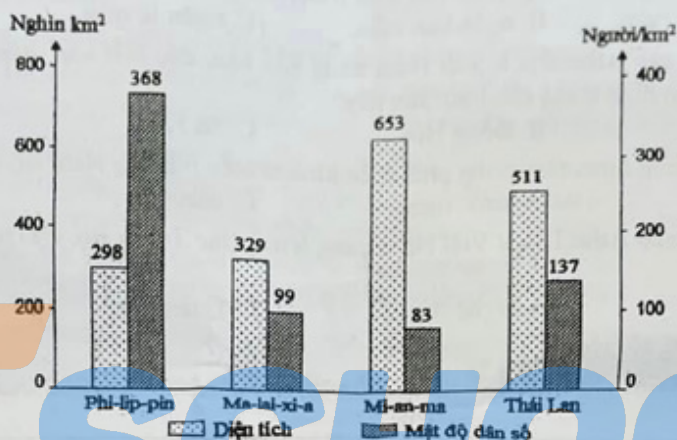
Câu 41: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Vùng Đông Nam Bộ, vùng Đồng bằng sông Cửu Long, cho biết tỉnh nào trồng nhiều cao su trong các tỉnh sau đây?

- A. Vĩnh Long. B. Bình Phước. C. Sóc Trăng. D. Hậu Giang.

Câu 42: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Kinh tế chung, cho biết trung tâm kinh tế nào có quy mô GDP lớn nhất trong các trung tâm sau đây?

- A. Biên Hòa. B. Cà Mau. C. Long Xuyên. D. Mỹ Tho.

Câu 43: Cho biểu đồ:



DIỆN TÍCH, MẬT ĐỘ DÂN SỐ CỦA MỘT SỐ QUỐC GIA NĂM 2020

(Số liệu theo Niên giám thống kê Việt Nam 2021, NXB Thống kê, 2022)

Theo biểu đồ, nhận xét nào sau đây đúng về số dân của một số quốc gia năm 2020?

- A. Thái Lan lớn hơn Phi-lip-pin. B. Ma-lai-xi-a lớn hơn Mi-an-ma.
C. Thái Lan gấp hơn hai lần Mi-an-ma. D. Phi-lip-pin gấp hơn ba lần Ma-lai-xi-a.

Câu 44: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Các hệ thống sông, cho biết sông nào sau đây chảy theo hướng tây bắc - đông nam?

- A. Sông Thương. B. Sông Lục Nam. C. Sông Kinh Thầy. D. Sông Hồng.

Câu 45: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Dân số, cho biết đô thị nào có quy mô dân số lớn nhất trong các đô thị sau đây?

- A. Bắc Kạn. B. Thái Nguyên. C. Nghĩa Lộ. D. Cao Bằng.

Câu 46: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ, vùng Đồng bằng sông Hồng, cho biết tỉnh nào sau đây có công nghiệp khai thác apatit?

- A. Điện Biên. B. Cao Bằng. C. Lào Cai. D. Thái Nguyên.

Câu 47: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Nông nghiệp, cho biết tỉnh nào trồng nhiều dừa trong các tỉnh sau đây?

- A. Trà Vinh. B. Hà Tĩnh. C. Cao Bằng. D. Kon Tum.

Câu 48: Tiềm năng để phát triển nhiệt điện ở nước ta là

- A. than đá. B. thác nước. C. sức gió. D. thủy triều.

Câu 49: Công nghiệp ở vùng núi nước ta phân bố

- A. tập trung. B. khắp mọi nơi. C. rất đồng đều. D. phân tán.

Câu 50: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Các ngành công nghiệp trọng điểm, cho biết trung tâm nào sau đây có ngành công nghiệp chế biến lương thực và chế biến thủy hải sản?

- A. Thanh Hóa. B. Nam Định. C. Hạ Long. D. Vinh.

Câu 51: Thiên tai nào sau đây thường xảy ra ở vùng ven biển nước ta vào mùa khô?

- A. Sóng thần. B. Ngập lụt. C. Hạn mặn. D. Bão biển.

Câu 52: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Công nghiệp chung, cho biết trung tâm nào sau đây có ngành công nghiệp luyện kim đen và luyện kim màu?

- A. Cần Thơ. B. Hải Phòng. C. Vũng Tàu. D. TP. Hồ Chí Minh.

Câu 53: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Hành chính, cho biết tỉnh nào sau đây có cả đường bờ biển và biên giới quốc gia?

- A. Thái Bình. B. Ninh Bình. C. Thanh Hóa. D. Nam Định.

Câu 54: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Vùng Duyên hải Nam Trung Bộ, vùng Tây Nguyên, cho biết sân bay Liên Khương thuộc tỉnh nào sau đây?

- A. Đắk Nông. B. Đắk Lắk. C. Kon Tum. D. Lâm Đồng.

Câu 55: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Các miền tự nhiên, cho biết núi nào sau đây ở phía bắc núi Chí Linh?

- A. Pu Xai Lai Leng. B. Rào Cò. C. Phu Hoạt. D. Phu Pha Phong.

Câu 56: Làm ruộng bậc thang trong sản xuất ở đồi núi nước ta là biện pháp để

- A. hạn chế xói mòn. B. ngăn hạn mặn. C. ngăn lũ quét. D. chống ngập úng.

Câu 57: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Khí hậu, cho biết vào tháng VIII, trạm khí tượng nào có lượng mưa cao nhất trong các trạm sau đây?

- A. Đà Nẵng. B. Đồng Hới. C. Sa Pa. D. Nha Trang.

Câu 58: Vấn đề cần quan tâm trong phát triển kinh tế biển ở Đông Nam Bộ là

- A. giống cây. B. nước ngầm. C. thủy lợi. D. môi trường.

Câu 59: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Vùng Bắc Trung Bộ, cho biết cảng Cửa Lò thuộc tỉnh nào sau đây?

- A. Hà Tĩnh. B. Nghệ An. C. Quảng Trị. D. Quảng Bình.

Câu 60: Cho bảng số liệu:

XUẤT KHẨU, NHẬP KHẨU HÀNG HÓA VÀ DỊCH VỤ CỦA MỘT SỐ QUỐC GIA NĂM 2020

(Đơn vị: Tỷ đô la Mỹ)

Quốc gia	Cam-pu-chia	In-đô-nê-xi-a	Ma-lai-xi-a	Mi-an-ma
Xuất khẩu	15,8	181,7	207,0	22,6
Nhập khẩu	16,2	169,6	185,3	20,9

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2021, NXB Thống kê, 2022)

Theo bảng số liệu, nhận xét nào sau đây đúng về tỉ trọng xuất khẩu trong tổng trị giá xuất nhập khẩu hàng hóa và dịch vụ của một số quốc gia năm 2020?

- A. Cam-pu-chia cao hơn Ma-lai-xi-a. B. Ma-lai-xi-a cao hơn Mi-an-ma.
C. In-đô-nê-xi-a thấp hơn Cam-pu-chia. D. Mi-an-ma thấp hơn In-đô-nê-xi-a.

Câu 61: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Du lịch, cho biết điểm du lịch nào sau đây thuộc trung tâm du lịch Huế?

- A. Đá Nhảy. B. Thuận An. C. Khe Sanh. D. Thiên Cầm.

Câu 62: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Giao thông, cho biết tuyến đường sắt từ Hà Nội nối với cửa khẩu quốc tế nào sau đây?

- A. Tây Trang. B. Cầu Treo. C. Nậm Cắn. D. Hữu Nghị.

Câu 63: Hoạt động đánh bắt hải sản ở nước ta hiện nay

- A. phân bố hoàn toàn ở vùng ven bờ. B. chủ yếu nhằm phục vụ xuất khẩu.
C. diễn ra ở tất cả các tỉnh giáp biển. D. chỉ chú trọng vào các loài cá quý.

Câu 64: Dân cư thành thị nước ta hiện nay

- A. hầu hết hoạt động trong công nghiệp. B. có tỉ lệ còn thấp trong cơ cấu dân số.
C. đều có trình độ khoa học kĩ thuật cao. D. chỉ tập trung tại các vùng đồng bằng.

Câu 65: Mạng lưới đường ô tô nước ta hiện nay

- A. đã hiện đại hóa và chủ yếu là cao tốc. B. được mở rộng và phủ khắp các vùng.
C. dày đặc và tập trung nhiều ở miền núi. D. chủ yếu hướng đông tây và độ dài lớn.

Câu 66: Chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế nước ta hiện nay

- A. tạo nên các khu kinh tế cửa khẩu.
C. làm thay đổi tỉ trọng của dịch vụ.

- B. chỉ tập trung ở khu vực Nhà nước.
D. hình thành các vùng chuyên canh.

Câu 67: Cơ cấu lao động theo thành phần kinh tế nước ta hiện nay có nhiều thay đổi chủ yếu do

- A. tăng cường quá trình công nghiệp hóa.
C. phát triển nhanh kinh tế thị trường.

- B. thúc đẩy quá trình công nghiệp hóa.
D. hội nhập kinh tế toàn cầu sâu rộng.

Câu 68: Chăn nuôi gia cầm ở nước ta hiện nay

- A. có phần lớn sản phẩm để xuất khẩu.
C. sử dụng phần lớn thức ăn tự nhiên.

- B. phân bố tập trung tại các vùng núi.
D. chủ yếu nhằm cung cấp thực phẩm.

Câu 69: Hoạt động khai thác dầu khí ở nước ta hiện nay

- A. hoàn toàn phục vụ cho xuất khẩu.
C. có sản lượng đều nhau ở các năm.

- B. phát triển rộng rãi khắp các vùng.
D. góp phần vào phát triển nhiệt điện.

Câu 70: Nước ta tiếp giáp với Biển Đông nên có

- A. các loại gió thổi theo mùa.
C. nhiều vùng núi khác nhau.

- B. một số loại đất độ phì cao.
D. thực vật bốn mùa xanh tốt.

Câu 71: Trị giá nhập khẩu của nước ta hiện nay có nhiều thay đổi chủ yếu do

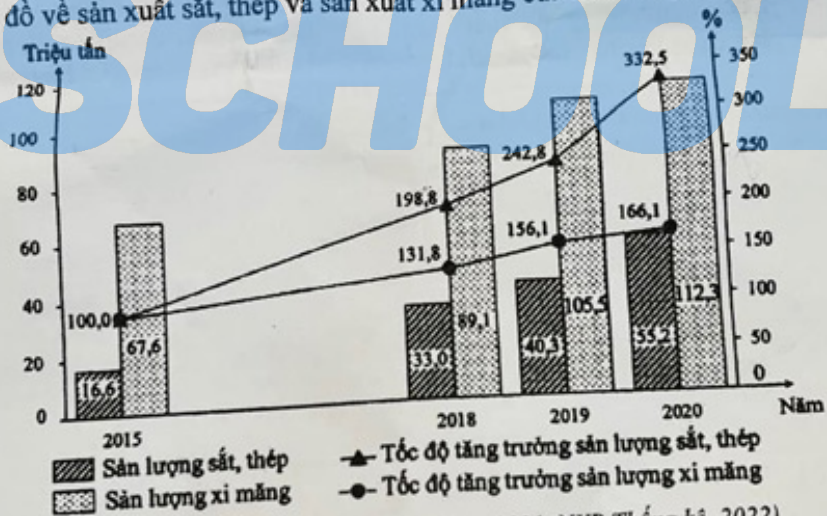
- A. dân số tăng, các đô thị ngày càng mở rộng.
C. công nghiệp đa dạng, giao thông phát triển.

- B. sản xuất tăng trưởng, chất lượng sống tăng.
D. thị trường mở rộng, hội nhập toàn cầu sâu.

Câu 72: Ý nghĩa chủ yếu của phát triển đa dạng cây trồng ở Trung du và miền núi Bắc Bộ là

- A. thay đổi cơ cấu kinh tế, tạo ra nhiều việc làm, khai thác các tiềm năng.
B. tạo nông sản phong phú, đẩy mạnh xuất khẩu, sử dụng hợp lí tự nhiên.
C. nâng cao đời sống, đáp ứng nhu cầu thị trường, phát huy các thế mạnh.
D. thúc đẩy sản xuất, khai thác sự phân hóa thiên nhiên, giảm thiểu rủi ro.

Câu 73: Cho biểu đồ về sản xuất sắt, thép và sản xuất xi măng của nước ta giai đoạn 2015 - 2020:



(Số liệu theo Niên giám thống kê Việt Nam 2021, NXB Thống kê, 2022)

Biểu đồ thể hiện nội dung nào sau đây?

- A. Tình hình phát triển và cơ cấu sản lượng.
C. Quy mô và tốc độ tăng trưởng sản lượng.

- B. Tốc độ tăng trưởng và cơ cấu sản lượng.
D. Cơ cấu và sự thay đổi cơ cấu sản lượng.

Câu 74: Vùng Tây Nguyên có thời gian bắt đầu mùa mưa và mùa khô khác với vùng Nam Trung Bộ chủ yếu do tác động của

- A. gió mùa Tây Nam, gió mùa Đông Bắc, hướng của dãy núi Trường Sơn, bão.
B. gió Tây, dãy núi Trường Sơn Nam, gió mùa Tây Nam, dải hội tụ nhiệt đới.
C. gió đông bắc, địa hình, khối khí nóng ẩm từ Bắc Ấn Độ Dương, vị trí địa lí.
D. Tín phong bán cầu Bắc, vị trí địa lí, gió phơn Tây Nam, dải hội tụ nhiệt đới.

Câu 75: Ý nghĩa chủ yếu của các khu kinh tế ven biển ở Duyên hải Nam Trung Bộ là

- A. mở rộng thương mại, khai thác các nguồn lực.
B. thu hút đầu tư, tạo nguồn sản phẩm xuất khẩu.
C. phát triển sản xuất, thay đổi bộ mặt của vùng.
D. hình thành đô thị, giải quyết vấn đề việc làm.

Câu 76: Việc hình thành các vùng chuyên canh cây công nghiệp lâu năm ở Bắc Trung Bộ nhằm mục đích chủ yếu là

- A. khai thác thế mạnh, đẩy mạnh xuất khẩu, đa dạng hóa kinh tế nông thôn.
- B. giải quyết việc làm, tăng sản phẩm hàng hóa, sử dụng hợp lý tài nguyên.
- C. mở rộng phân bố sản xuất, tạo mô hình kinh tế mới, bảo vệ môi trường.
- D. đa dạng nông sản, chuyển dịch cơ cấu kinh tế, tăng cường sản xuất lớn.

Câu 77: Giải pháp chủ yếu phát triển cây thực phẩm ở Đồng bằng sông Hồng là

- A. thúc đẩy chuyên canh, tăng cường cơ giới hóa.
- B. sử dụng các giống tốt, nâng trình độ lao động.
- C. đa dạng nông sản, ứng dụng tiến bộ khoa học.
- D. sản xuất thâm canh, gắn với thị trường tiêu thụ.

Câu 78: Cho bảng số liệu:

SỐ LƯỢT HÀNH KHÁCH LUÂN CHUYỂN BẰNG ĐƯỜNG HÀNG KHÔNG NƯỚC TA GIAI ĐOẠN 2015 - 2020

(Đơn vị: Triệu lượt người.km)

Năm	2015	2018	2019	2020
Trong nước	14 271,1	34 189,2	36 379,3	25 781,4
Quốc tế	27 797,3	33 666,8	41 023,5	8 343,5

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2021, NXB Thống kê, 2022)

Theo bảng số liệu, để thể hiện sự thay đổi cơ cấu số lượt hành khách luân chuyển bằng đường hàng không nước ta giai đoạn 2015 - 2020, các dạng biểu đồ nào sau đây là thích hợp?

- A. Cột, đường, miền.
- B. Đường, tròn, cột.
- C. Tròn, đường, miền.
- D. Miền, cột, tròn.

Câu 79: Ý nghĩa chủ yếu của việc bảo vệ rừng đặc dụng ở Tây Nguyên là

- A. bảo vệ động vật hoang dã, tăng độ che phủ.
- B. tăng nguồn nước ngầm, góp phần chống lũ.
- C. giữ gìn cảnh quan, bảo vệ đa dạng sinh học.
- D. chống xói mòn, bảo đảm cân bằng sinh thái.

Câu 80: Giải pháp chủ yếu sử dụng hiệu quả đất nông nghiệp ở Đồng bằng sông Cửu Long là

- A. quy hoạch, đẩy mạnh nông sản xuất khẩu.
- B. bố trí cây trồng hợp lý, phát triển thủy lợi.
- C. tăng vụ, phát triển lợi thế của các khu vực.
- D. đẩy mạnh cơ giới hóa, mở rộng diện tích.

HẾT

- Thí sinh được sử dụng Atlas Địa lí Việt Nam.
- Cán bộ coi thi không giải thích gì thêm.